

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN
Số: 418 /CBTT-ĐĐTMM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cầm Phả, ngày 23 tháng 3 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin: Mã CK: VTM.

Trụ sở chính: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, Tổ 16, Khu Tây Sơn 2, Phường
Cầm Sơn, Thành phố Cầm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0203.3862343

Fax: 0203.3864038

Website: tmcs.vn

Người thực hiện công bố thông tin: VŨ ĐỨC LONG

Địa chỉ: Thư ký công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 0203.3864038

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày
31/12/2022.

Người được ủy quyền thực hiện công
bố thông tin



Vũ Đức Long

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ -
VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 43

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 5700477326 ngày 04/01/2023.

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	
- Ông Phan Văn Cường	Ủy viên (Đến hết ngày 31/12/2022)	(i)
- Ông Lương Văn Hiếu	Ủy viên	
- Ông Vũ Mạnh Dũng	Ủy viên (Từ ngày 01/01/2023)	(i)

Thành viên Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
- Ông Phan Văn Cường	Giám đốc (Đến hết ngày 31/12/2022)	(ii)
- Ông Vũ Mạnh Dũng	Giám đốc (Từ ngày 01/01/2023)	(iii)
- Ông Hoàng Minh Sơn	Phó Giám đốc	

(i) Theo Nghị quyết họp hội đồng quản trị số 90/NQ-HĐQT ngày 28/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc thay đổi thành viên hội đồng quản trị.

(ii) Theo Nghị quyết họp hội đồng quản trị số 89/NQ-ĐĐTMT ngày 28/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ.

(iii) Theo Quyết định số 1589/QĐ-ĐĐTMT ngày 28/12/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc bổ nhiệm cán bộ.

Thành viên Ban kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Xuân Phong	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Ngọc Thành	Ủy viên
- Bà Trần Thị Thúy	Ủy viên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 16/11/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

VŨ MẠNH DŨNG

Số: 68 /2023/BCKT-PKFVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được lập ngày 17 tháng 03 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán của chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0576-2023-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2023-242-1

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.955.475.275	37.963.856.408
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.636.338.371	1.683.955.239
Tiền	111		1.636.338.371	1.683.955.239
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.811.085.872	26.578.114.367
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.703.667.864	25.204.481.756
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		189.170.100	181.670.100
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.918.247.908	1.191.962.511
Hàng tồn kho	140	5.4	7.591.034.590	6.673.032.118
Hàng tồn kho	141		7.591.034.590	6.673.032.118
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.917.016.442	3.028.754.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.897.945.289	2.804.517.650
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.071.153	57.385.446
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	166.851.588
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.317.308.171	145.063.197.301
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		155.907.375.791	125.469.668.284
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	155.907.375.791	125.469.668.284
- Nguyên giá	222		503.903.753.176	473.298.872.915
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(347.996.377.385)	(347.829.204.631)
Bất động sản đầu tư	230	5.7	6.587.253.871	6.991.070.779
- Nguyên giá	231		9.091.045.792	9.091.045.792
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.503.791.921)	(2.099.975.013)
Tài sản dở dang dài hạn	240		568.805.601	568.805.601
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.5	568.805.601	568.805.601
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		11.253.872.908	12.033.652.637
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	11.253.872.908	12.033.652.637
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212.272.783.446	183.027.053.709

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
NỢ PHẢI TRẢ	300		172.426.572.776	143.206.301.208
Nợ ngắn hạn	310		72.345.772.776	65.060.301.208
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	15.076.130.480	17.538.478.220
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.281.828.729	973.184.225
Phải trả người lao động	314		12.066.121.814	10.667.507.635
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	63.138.739	80.542.096
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	358.358.542	591.278.162
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	42.500.194.472	35.157.891.892
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	51.418.978
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		100.080.800.000	78.146.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	100.080.800.000	78.146.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.846.210.670	39.820.752.501
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	39.846.210.670	39.820.752.501
Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.797.970.000	32.797.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.797.970.000	32.797.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		472.691.257	472.691.257
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.467.588.042	2.467.588.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.107.961.371	4.082.503.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.107.961.371	4.082.503.202
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212.272.783.446	183.027.053.709

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

PHAN THỊ DUNG

ĐỖ THANH TÙNG

VŨ MẠNH DŨNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	334.970.569.701	288.121.015.082
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		334.970.569.701	288.121.015.082
Giá vốn hàng bán	11	6.2	281.901.474.944	239.496.342.427
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.069.094.757	48.624.672.655
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.816.302	7.415.358
Chi phí tài chính	22	6.4	11.183.524.278	8.836.401.160
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.183.524.278	8.836.401.160
Chi phí bán hàng	25	6.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	38.598.709.415	35.331.835.588
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.295.677.366	4.463.851.265
Thu nhập khác	31	6.5	1.914.504.946	1.215.289.676
Chi phí khác	32	6.6	13.479	219.645.630
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.914.491.467	995.644.046
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.210.168.833	5.459.495.311
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.102.207.462	1.376.992.109
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.107.961.371	4.082.503.202
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.253	1.245
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



VU MẠNH DŨNG

PHAN THỊ DUNG

ĐỖ THANH TÙNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.210.168.833	5.459.495.311
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	23.391.812.567	26.844.375.016
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.824.487.414)	(1.117.436.723)
Chi phí lãi vay	06	11.183.524.278	8.836.401.160
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	37.961.018.264	40.022.834.764
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.972.194.376	(2.582.751.084)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(918.002.472)	(1.351.090.763)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.368.684.691	5.658.615.167
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(313.647.910)	(3.619.121.873)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.183.524.278)	(8.836.401.160)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(209.156.188)	(1.328.190.089)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	9.900.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.414.324.667)	(2.401.454.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.263.241.816	25.572.340.962
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.350.053.478)	(51.303.502.779)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.815.671.112	1.110.021.365
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.816.302	7.415.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.525.566.064)	(50.186.066.056)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	115.278.034.567	85.894.895.077
Tiền trả nợ gốc vay	34	(86.000.931.987)	(58.072.003.185)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(62.395.200)	(1.967.878.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29.214.707.380	25.855.013.692
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(47.616.868)	1.241.288.598
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.683.955.239	442.666.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.636.338.371	1.683.955.239

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG



VŨ MẠNH DŨNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 5700477326 ngày 04/01/2023.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Đưa đón thợ mỏ; vận tải hành khách công cộng; sửa chữa thiết bị vận tải. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 708 người, trong đó số cán bộ quản lý là 102 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 08/08/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 35 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 5 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| - Dụng cụ quản lý | 5 - 8 năm |

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư (BDS đầu tư) là toàn bộ các chi phí bằng tiền mà Công ty bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi BDS đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý bất động sản đầu tư đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của BDS đầu tư được tính theo thời gian sử dụng của nhà cửa vật kiến trúc được hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Bất động sản đầu tư là các văn phòng do Công ty sở hữu và cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động.

Thời gian trích khấu hao bất động sản đầu tư của công ty như sau:

- Nhà 25 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản). Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, chi phí sử dụng đường bộ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ phân bổ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm cước đàm thoại, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700477326 điều chỉnh lần 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày ngày 04 tháng 01 năm 2023, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	32.797.970.000	31.238.090.000	100%
Các cổ đông khác		1.559.880.000	
Cộng	32.797.970.000	32.797.970.000	100%

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn dịch vụ vận chuyển, giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải và giá vốn khác.

4.15 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- | | |
|--|------|
| - Dịch vụ cho thuê nhà | 10% |
| - Cước vận chuyển và các dịch vụ khác: | 10%. |

Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 Doanh thu cước vận chuyển và các dịch vụ khác của công ty áp dụng thuế suất là 8% theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của chính phủ.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

		31/12/2022	01/01/2022
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	373.530.962	27.285.415
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	1.262.807.409	1.656.669.824
Cộng		1.636.338.371	1.683.955.239

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		373.530.962
Cộng		373.530.962

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		1.262.807.409
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả</i>		902.653.555
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả</i>		142.695.155
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh</i>		135.039.779
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh</i>		82.418.920
Cộng		1.262.807.409

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.703.667.864	25.204.481.756
Công ty Tuyển Than Hòn Gai	1.041.019.818	2.614.176.751
Công ty cổ phần than Núi Béo -Vinacomin	1.320.021.867	815.599.878
Công ty Than Hạ Long - TKV	3.346.816.907	3.065.093.600
Công ty Xây lắp mỏ - TKV	2.315.929.795	3.733.704.981
Công ty Than Nam Mẫu - TKV	2.619.645.024	2.339.729.206
Công ty Than Uông Bí - TKV	869.472.172	2.044.684.482
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	1.870.658.122	1.371.253.662
Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	664.743.137	2.066.947.767
Công ty Than Khe Chàm - TKV	1.083.778.912	386.544.496
Công ty Cổ phần than Cao sơn -TKV	1.155.241.455	729.880.328
Đối tượng khác	5.416.340.655	6.036.866.605
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	21.703.667.864	25.204.481.756

Phải thu các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 03.

5.3. Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.918.247.908	-	1.191.962.511	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	537.142.330	-	294.624.324	-
Ký cược ký quỹ	730.764.000	-	694.200.000	-
Phí sử dụng thương hiệu Vinacomin	606.699.463	-	-	-
Phải thu khác	1.043.642.115	-	203.138.187	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.918.247.908	-	1.191.962.511	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.636.252.596	-	6.518.001.852	-
Công cụ, dụng cụ	954.781.994	-	155.030.266	-
Cộng	7.591.034.590	-	6.673.032.118	-

5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	568.805.601	568.805.601
<i>Dự án khu nhà điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại phường Bắc Sơn, TP Uông Bí</i>	<i>568.805.601</i>	<i>568.805.601</i>
Cộng	568.805.601	568.805.601

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, Khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	29.234.354.266	5.944.553.159	437.901.680.108	218.285.382	-	473.298.872.915
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.744.410.594	51.681.292.572	-	-	53.425.703.166
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(22.820.822.905)	-	-	(22.820.822.905)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.234.354.266	7.688.963.753	466.762.149.775	218.285.382	-	503.903.753.176
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	22.348.794.632	4.867.042.071	320.575.260.021	38.107.907	-	347.829.204.631
- Khấu hao trong năm	676.492.958	190.634.482	22.084.304.579	36.563.640	-	22.987.995.659
- Hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(22.820.822.905)	-	-	(22.820.822.905)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.025.287.590	5.057.676.553	319.838.741.695	74.671.547	-	347.996.377.385
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	6.885.559.634	1.077.511.088	117.326.420.087	180.177.475	-	125.469.668.284
Tại ngày cuối năm	6.209.066.676	2.631.287.200	146.923.408.080	143.613.835	-	155.907.375.791
- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay						151.652.527.777
- Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết, đang sử dụng						273.304.619.782
- Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý						26.703.478.006

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7. Bất động sản đầu tư

	Số đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Nguyên giá BĐS đầu tư	9.091.045.792	-	-	9.091.045.792
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	9.091.045.792	-	-	9.091.045.792
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	2.099.975.013	403.816.908	-	2.503.791.921
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	2.099.975.013	403.816.908	-	2.503.791.921
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại của BĐS đầu tư	6.991.070.779	-	-	6.587.253.871
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	6.991.070.779	-	-	6.587.253.871
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a. Ngắn hạn	3.897.945.289	2.804.517.650
Công cụ dụng cụ phân bổ	-	28.483.336
Chi phí mua bảo hiểm xe ô tô	2.312.707.685	1.085.581.160
Chi phí sử dụng đường bộ	442.461.894	306.012.117
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.142.775.710	1.384.441.037
b. Dài hạn	11.253.872.908	12.033.652.637
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.687.787.318	3.847.276.669
Chi phí sử dụng đường bộ dài hạn	136.548.048	183.861.511
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	7.231.997.481	7.279.773.152
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.197.540.061	722.741.305
Cộng	15.151.818.197	14.838.170.287

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2022 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	14.881.891.892	14.881.891.892	72.567.234.567	65.624.931.987	21.824.194.472	21.824.194.472
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (1)	6.153.689.107	6.153.689.107	32.620.244.583	28.006.919.589	10.767.014.101	10.767.014.101
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (2)	8.728.202.785	8.728.202.785	39.946.989.984	37.618.012.398	11.057.180.371	11.057.180.371
b. Gốc vay dài hạn	98.422.000.000	98.422.000.000	42.710.800.000	20.376.000.000	120.756.800.000	120.756.800.000
<i>Từ 5 năm đến 10 năm</i>	<i>98.422.000.000</i>	<i>98.422.000.000</i>	<i>42.710.800.000</i>	<i>20.376.000.000</i>	<i>120.756.800.000</i>	<i>120.756.800.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả (3)	27.704.000.000	27.704.000.000	-	8.212.000.000	19.492.000.000	19.492.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (4)	70.718.000.000	70.718.000.000	42.710.800.000	12.164.000.000	101.264.800.000	101.264.800.000
Cộng	113.303.891.892	113.303.891.892	115.278.034.567	86.000.931.987	142.580.994.472	142.580.994.472

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	01/01/2022 (VND)		31/12/2022 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	20.276.000.000	20.276.000.000	20.676.000.000	20.676.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả	8.212.000.000	8.212.000.000	8.212.000.000	8.212.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	12.064.000.000	12.064.000.000	12.464.000.000	12.464.000.000
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	113.303.891.892	113.303.891.892	142.580.994.472	142.580.994.472
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	35.157.891.892	35.157.891.892	42.500.194.472	42.500.194.472
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	78.146.000.000	78.146.000.000	100.080.800.000	100.080.800.000

(1) Hợp đồng tín dụng 801005106438/2022 - HĐCVHM/NHCT302-ĐĐTĐM ngày 02/06/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 10.767.014.101 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 13/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 11.057.180.371/đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/482431/HĐTĐ ngày 11/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 3.810.000.000 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

- 3) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/482431/HĐTĐ ngày 26/07/2019 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 7.972.000.000 đồng.
- 3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/482431/HĐTĐ ngày 11/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 7.710.000.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/TDH/NTQN-VTDDTM ngày 13/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 42.610.800.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 22/09/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 27.185.000.000 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/HDNT/NTQN-VTDDTM ngày 20/04/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Thời hạn cho vay trên 12 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 31.469.000.000 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.10. Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	15.076.130.480	15.076.130.480	17.538.478.220	17.538.478.220
Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	1.974.305.480	1.974.305.480	1.718.904.090	1.718.904.090
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thái Phát	-	-	1.473.873.500	1.473.873.500
Công ty Cổ phần Công nghệ và Phân phối Toàn Cầu	1.792.286.000	1.792.286.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Hải Đăng	-	-	1.131.916.500	1.131.916.500
Công ty TNHH Lốp xe PT	1.565.560.120	1.565.560.120	314.150.496	314.150.496
Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	3.259.026.341	3.259.026.341	8.670.086.885	8.670.086.885
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Minh Quân Quảng Ninh	1.232.513.542	1.232.513.542	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vương Gia	1.039.895.992	1.039.895.992	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	4.212.543.005	4.212.543.005	4.229.546.749	4.229.546.749
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.076.130.480	15.076.130.480	17.538.478.220	17.538.478.220

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 03.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	764.028.037	6.412.688.194	6.091.740.312	1.084.975.919
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.156.188	1.102.207.462	209.156.188	1.102.207.462
Thuế thu nhập cá nhân	-	521.004.522	426.359.174	94.645.348
Tiền thuế đất	-	423.860.830	423.860.830	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.252	3.000.252	-
Cộng	973.184.225	8.462.761.260	7.154.116.756	2.281.828.729
b. Phải thu				
Tiền thuế đất	166.851.588	166.851.588	-	-
Cộng	166.851.588	166.851.588	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	63.138.739	80.542.096
Cước đàm thoại	8.004.739	8.236.096
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty	55.134.000	72.306.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	63.138.739	80.542.096

5.13. Phải trả khác

	<u>31/12/2022</u> (VND)	<u>01/01/2022</u> (VND)
a. Ngắn hạn	358.358.542	591.278.162
Kinh phí công đoàn	32.439.440	31.956.520
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	325.919.102	559.321.642
b. Dài hạn	-	-
Cộng	358.358.542	591.278.162

(i) Số dư chi tiết phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2022 bao gồm:

	<u>31/12/2022</u> (VND)
Đoàn phí công đoàn	55.112.231
Quỹ Văn hóa Thể thao và Hoạt động Xã hội	261.246.871
Phải trả khác	9.560.000
Cộng	325.919.102

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ Sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	32.797.970.000	472.691.257	2.467.588.042	-	4.119.286.670	39.857.535.969
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.082.503.202	4.082.503.202
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(4.119.286.670)	(4.119.286.670)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	32.797.970.000	472.691.257	2.467.588.042	-	4.082.503.202	39.820.752.501
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.107.961.371	4.107.961.371
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(4.082.503.202)	(4.082.503.202)
Số dư cuối năm	32.797.970.000	472.691.257	2.467.588.042	-	4.107.961.371	39.846.210.670

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 số tiền 1.311.918.800 đồng, trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2.626.417.735 đồng, Quỹ thưởng VCQLDN 144.166.667 đồng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Vốn góp của Nhà nước	31.238.090.000	31.238.090.000
Vốn góp của đối tượng khác	1.559.880.000	1.559.880.000
Cộng	32.797.970.000	32.797.970.000
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu		

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	32.797.970.000	32.797.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	32.797.970.000	32.797.970.000

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.279.797	3.279.797
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu phổ thông	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu phổ thông	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
Quỹ đầu tư phát triển	2.467.588.042	2.467.588.042

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	334.970.569.701	288.121.015.082
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	304.633.806.563	265.116.687.175
Doanh thu sửa chữa phương tiện vận tải	29.122.408.412	21.867.858.617
Doanh thu khác	1.214.354.726	1.136.469.290

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	252.442.440.574	217.294.853.625
Giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải	28.909.018.583	21.588.254.149
Giá vốn khác	550.015.787	613.234.653
Cộng	281.901.474.944	239.496.342.427

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.816.302	7.415.358
Cộng	8.816.302	7.415.358

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lãi tiền vay	11.183.524.278	8.836.401.160
Cộng	11.183.524.278	8.836.401.160

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Thu thanh lý tài sản cố định	1.815.671.112	1.110.021.365
Các khoản khác	98.833.834	105.268.311
Cộng	1.914.504.946	1.215.289.676

6.6 Chi phí khác

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
Các khoản bị phạt, vi phạm	252	196.451.832
Các khoản khác	13.227	23.193.798
Cộng	13.479	219.645.630

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	(VND)	(VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.598.709.415	35.331.835.588
Chi phí nhân viên quản lý	19.224.211.206	18.239.169.431
Chi phí vật liệu	1.703.804.725	1.420.594.067
Chi phí công cụ dụng cụ quản lý	25.789.000	49.025.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.654.251	627.876.947
Thuế, phí và lệ phí	593.712.418	409.994.451
Chi phí mua ngoài	3.045.837.845	2.905.687.584
Các khoản khác	13.385.699.970	11.679.488.108
b. Chi phí bán hàng	-	-
Cộng	38.598.709.415	35.331.835.588

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	320.500.184.359	274.828.178.015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150.942.021.365	112.501.682.664
Chi phí nhân công	102.942.019.160	96.425.396.842
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.391.812.567	26.844.375.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.924.240.982	11.882.247.360
Chi phí khác bằng tiền	30.300.090.285	27.174.476.133
Cộng	320.500.184.359	274.828.178.015

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.210.168.833	5.459.495.311
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	116.653.479	336.285.630
<i>Tiền lương và phụ cấp HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>116.640.000</i>	<i>116.640.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>13.479</i>	<i>219.645.630</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	5.326.822.312	5.795.780.941
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Các khoản giảm thu nhập tính thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	5.326.822.312	5.795.780.941
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.065.364.462	1.159.156.188
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm này	36.843.000	217.835.921
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.102.207.462	1.376.992.109

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 (VND)	Năm 2021 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.107.961.371	4.082.503.202
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông. (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	4.107.961.371	4.082.503.202
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.279.797	3.279.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.253	1.245

(*) Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chưa có phương án dự kiến phân phối lợi nhuận nên lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế TNDN.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.636.338.371	-	1.636.338.371
Phải thu khách hàng	21.703.667.864	-	21.703.667.864
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	2.865.050.218	-	2.865.050.218
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	26.205.056.453	-	26.205.056.453
Các khoản vay và nợ	42.500.194.472	100.080.800.000	142.580.994.472
Phải trả người bán	15.076.130.480	-	15.076.130.480
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	421.497.281	-	421.497.281
Tổng cộng	57.997.822.233	100.080.800.000	158.078.622.233
Chênh lệch thanh khoản thuần	(31.792.765.780)	(100.080.800.000)	(131.873.565.780)
Ngày 01/01/2022			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.683.955.239	-	1.683.955.239
Phải thu khách hàng	25.204.481.756	-	25.204.481.756
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.191.962.511	-	1.191.962.511
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	28.080.399.506	-	28.080.399.506
Các khoản vay và nợ	35.157.891.892	78.146.000.000	113.303.891.892
Phải trả người bán	17.538.478.220	-	17.538.478.220
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	671.820.258	-	671.820.258
Tổng cộng	53.368.190.370	-	131.514.190.370
Chênh lệch thanh khoản thuần	(25.287.790.864)	(78.146.000.000)	(103.433.790.864)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	01/01/2022	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	21.703.667.864	25.204.481.756	21.703.667.864	25.204.481.756
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.865.050.218	1.191.962.511	2.865.050.218	1.191.962.511
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản TĐT</i>	1.636.338.371	1.683.955.239	1.636.338.371	1.683.955.239
Tổng cộng	26.205.056.453	28.080.399.506	26.205.056.453	28.080.399.506
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	142.580.994.472	113.303.891.892	142.580.994.472	113.303.891.892
<i>Phải trả người bán</i>	15.076.130.480	17.538.478.220	15.076.130.480	17.538.478.220
<i>Phải trả khác</i>	421.497.281	671.820.258	421.497.281	671.820.258
Tổng cộng	158.078.622.233	131.514.190.370	158.078.622.233	131.514.190.370

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

7.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ vận chuyển; hoạt động sửa chữa phương tiện vận tải và hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31/12/2022 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 02: Báo cáo dịch vụ vận chuyển bán trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc: (đơn vị VND)

Họ tên	Chức danh	Lương thưởng Ban Giám đốc HĐQT	Thù lao của HĐQT và BKS
Ông Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT	-	61.680.000
Ông Phan Văn Cường	Giám đốc - Ủy viên HĐQT	346.739.000	52.560.000
Ông Lương Văn Hiểu	Ủy viên HĐQT	341.592.000	-
Ông Vũ Mạnh Dũng	Giám đốc - Ủy viên HĐQT	341.592.000	-
Ông Hoàng Minh Sơn	Phó giám đốc	341.592.000	-
Ông Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban kiểm soát	-	54.960.000
Ông Nguyễn Ngọc Thành	Ủy viên Ban kiểm soát	-	47.304.000
Bà Trần Thị Thúy	Ủy viên Ban kiểm soát	-	47.304.000
Tổng cộng		1.371.515.000	263.808.000

7.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

BÁO CÁO VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ
A	B	1
1	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	12.240.000
2	Công ty Than Thống Nhất -TKV	86.461.971
3	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả	39.322.674.953
4	Công ty Than Quang Hanh - TKV	4.268.760.553
5	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	700.349.360
6	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	14.400.000
7	Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin	49.537.000
8	Bệnh viện Than - Khoáng sản	416.764.084
9	Công ty Cổ Phần Than Núi Béo - Vinacomin	70.832.418
10	Công ty Than Nam Mẫu -TKV	17.400.000
11	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	268.114.290
12	Trung tâm y tế Than khu vực Mạo Khê	8.250.000
13	Công ty Cổ phần Tin học Công nghệ và Môi trường - Vinacomin	295.876.089
14	Công ty Cổ phần than Cao Sơn	2.672.930.000
15	Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	92.960.000
16	Công ty Cổ phần Vận tải và Kinh doanh than -Vinacomin	1.025.090.000
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin - XN Thiết kế Than Hòn Gai	363.446.834
	Tổng cộng	49.686.087.552

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHAN THỊ DUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VU MẠNH DŨNG

BÁO CÁO DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VNĐ

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu
		Giá trị (VNĐ)
A	B	C
1	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	11.414.359.335
2	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	14.738.442.676
3	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	36.326.479.714
4	Công ty Than Thống Nhất -TKV	424.446.000
5	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	22.098.961.500
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	24.196.287.400
7	Công ty Than Dương Huy - TKV	31.508.299.309
8	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	1.030.746.747
9	Công ty Than Quang Hanh -TKV	6.894.754.900
10	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV	682.525.080
11	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	3.535.147.768
12	Công ty Xây lắp mỏ - TKV	7.694.367.088
13	Công ty Than Hạ Long -TKV	34.569.381.613
14	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	8.073.500.236
15	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	27.062.836.629
16	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	634.200.000
17	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	1.336.797.000
18	Công ty Than Uông Bí - TKV	29.003.343.445
19	Công ty Than Mạo Khê - TKV	1.706.583.000
21	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	4.129.360.967
22	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	10.740.268.343
23	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	20.409.107.500
25	Công ty Than Hòn Gai - TKV	7.725.150.000
24	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	12.627.970.984
26	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	4.812.700.379
25	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	91.916.875
27	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	5.761.027.828
	Tổng cộng	329.228.962.316

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ NHUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



VŨ MẠNH DŨNG

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

STT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ			
		131		331	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4
I	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU	21.514.652.300	-	-	-
1	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	57.491.415	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	350.607.989	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	1.155.241.455	-	-	-
4	Công ty Than Thống Nhất - TKV	419.326	-	-	-
5	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	664.743.137	-	-	-
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	1.083.778.912	-	-	-
7	Công ty Than Dương Huy - TKV	867.615.180	-	-	-
8	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	807.235.357	-	-	-
9	Công ty Than Quang Hanh -TKV	58.459.058	-	-	-
10	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	481.717.273	-	-	-
11	Công ty Xây lắp mỏ - TKV	2.315.929.795	-	-	-
12	Công ty Than Hạ Long -TKV	3.346.816.907	-	-	-
13	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	418.449.240	-	-	-
14	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	2.619.645.024	-	-	-
15	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	73.386.000	-	-	-
16	Công ty Than Uông Bí - TKV	869.472.172	-	-	-
17	Công ty Than Mạo Khê - TKV	172.980.360	-	-	-
18	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	232.332.375	-	-	-
19	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	1.041.019.818	-	-	-
20	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	1.870.658.122	-	-	-
21	Công ty Than Hòn Gai - TKV	746.809.040	-	-	-
22	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	256.376.570	-	-	-
23	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	1.320.021.867	-	-	-
24	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả -	659.995.240	-	-	-
25	Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV	43.450.668	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ	-	-	4.219.061.405	-
1	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	-	-	3.259.026.341	-
2	Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ Môi trường - Vinacomin	-	-	320.254.135	-
3	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	-	-	408.479.830	-
4	Bệnh viện Than - Khoáng sản	-	-	42.571.394	-
5	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	-	-	188.729.705	-

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ NHUNG



ĐỖ THANH TÙNG




VŨ MẠNH DŨNG